

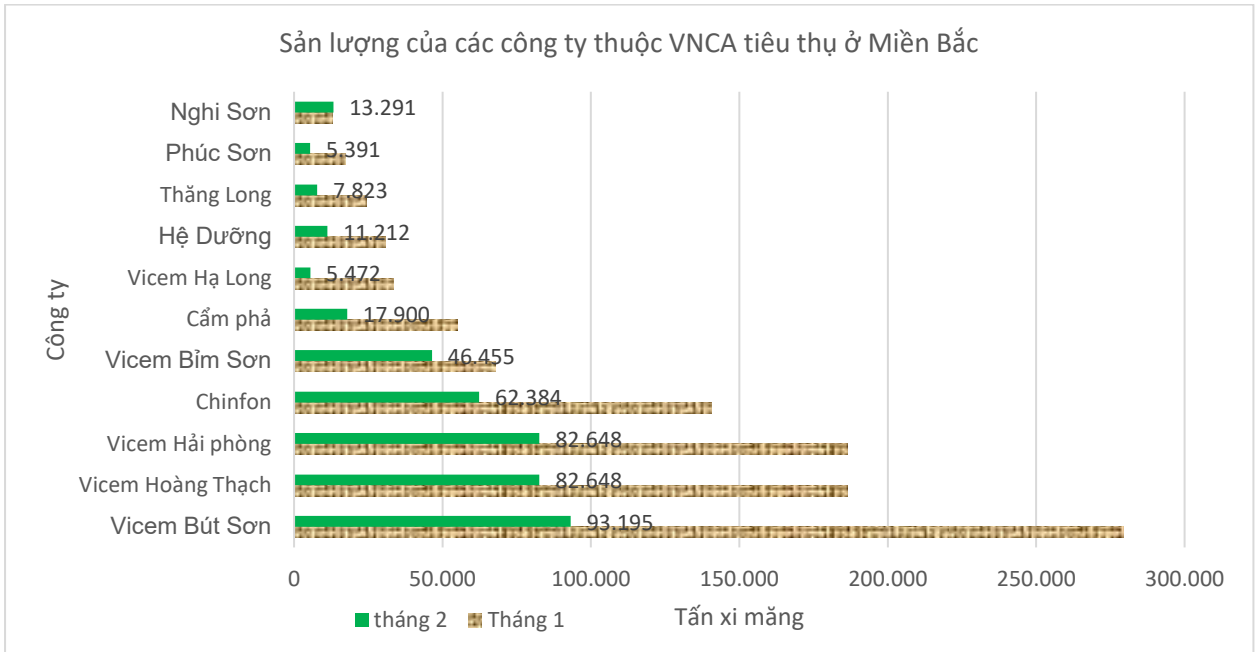
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 2/2021

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

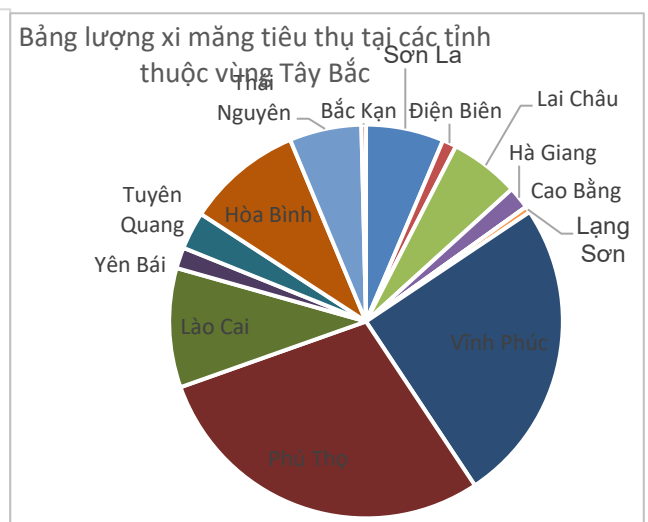
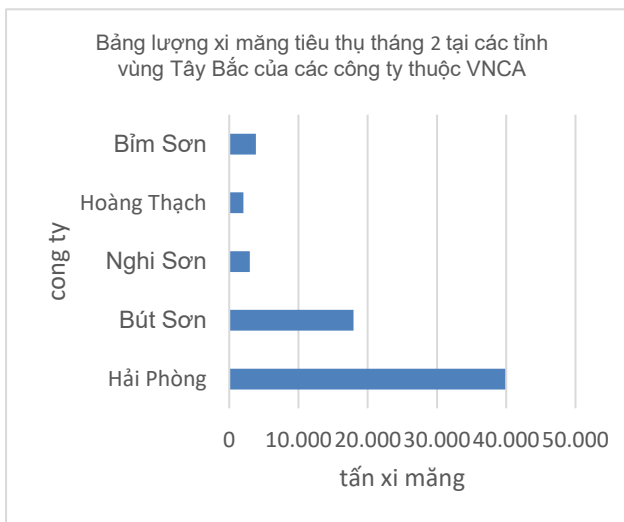
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 2/2021 là: 938.123 tấn (tháng 1 là 1.944.347 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

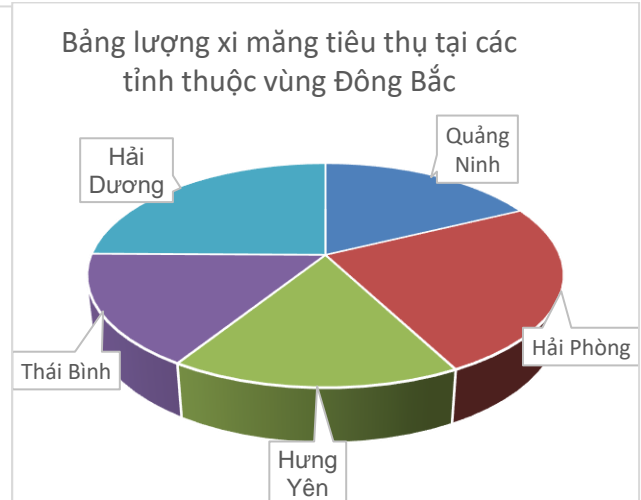
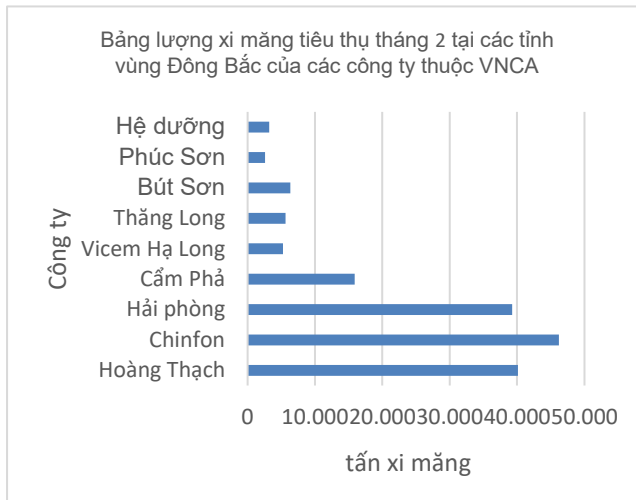


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 2/2021 như sau:

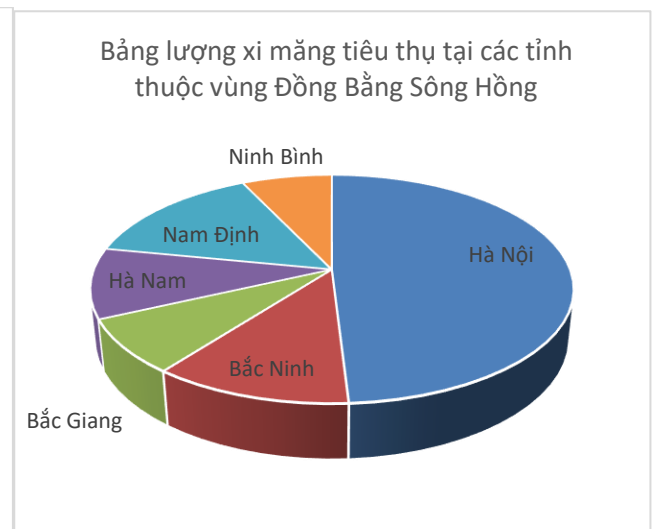
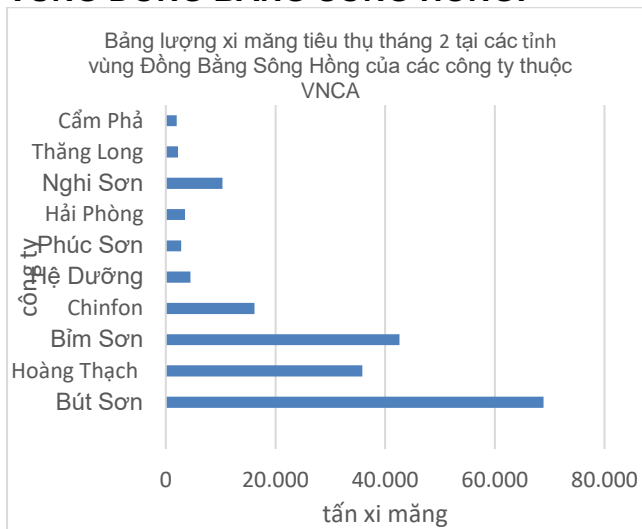
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:
Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình: - XM ChinFon: 1.500 - XM Bút Sơn: 1.410

- 3. Tại Lạng Sơn:** - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.400
 - XM Hoàng Thạch: 1.440 - XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên: - XM La Hiên: 1.240 - XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh: - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chin Fon: 1.400 - XM Lam Thạch : 1.200
- XM Thăng Long PCB 40 1.350 - XM Hạ Long PCB 40 1.360
- XM Cẩm phả PCB 40 1.300

6. Tại Bắc Ninh: - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 - XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.420 - Hoàng Thạch: 1.420

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bìm Sơn: 1.070

- XM Bìm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bìm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bìm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

13. Tai Thái Bình:

- XM Bìm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bìm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

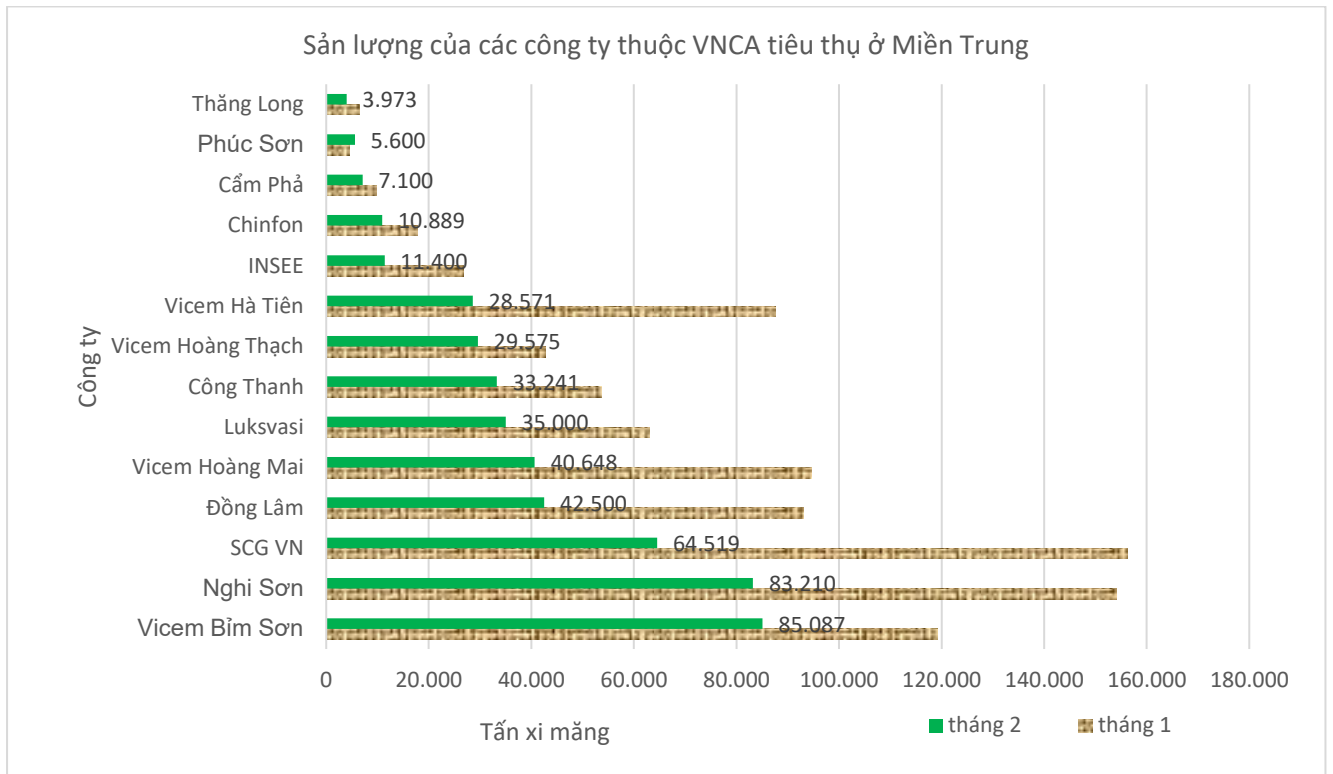
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

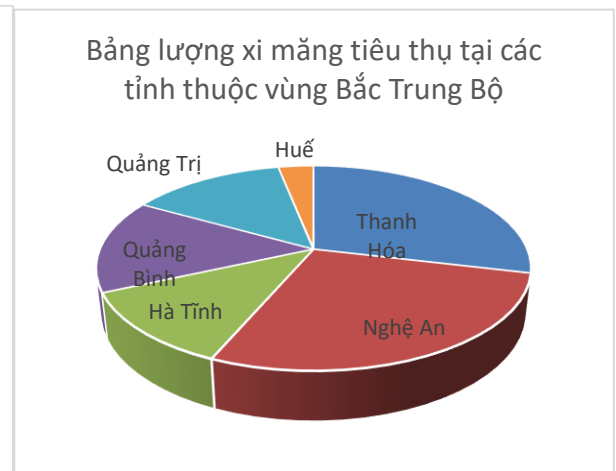
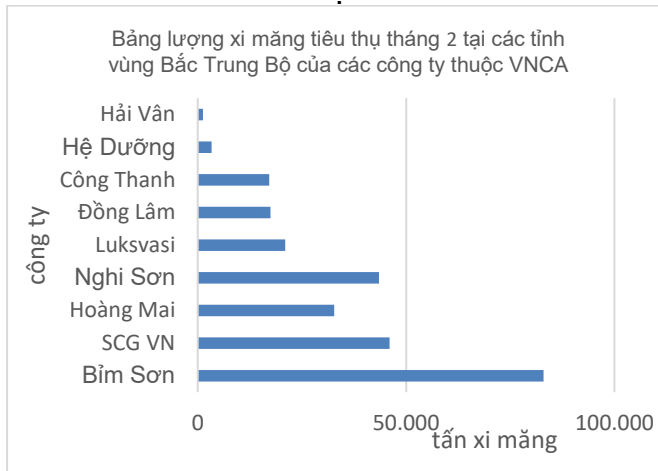
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 2/2021: 646.923 tấn (tháng 1 là 1.214.406 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

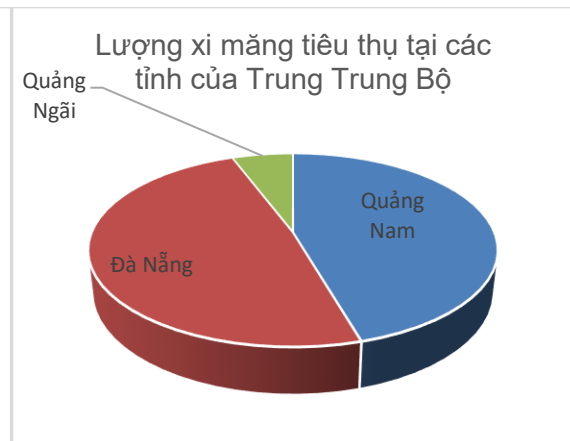
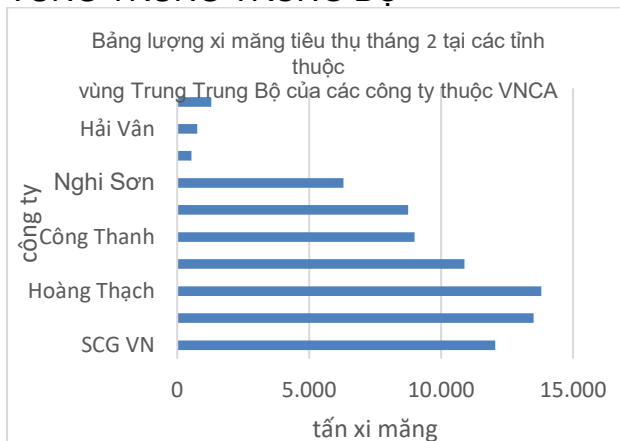


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 2/2021 như sau:

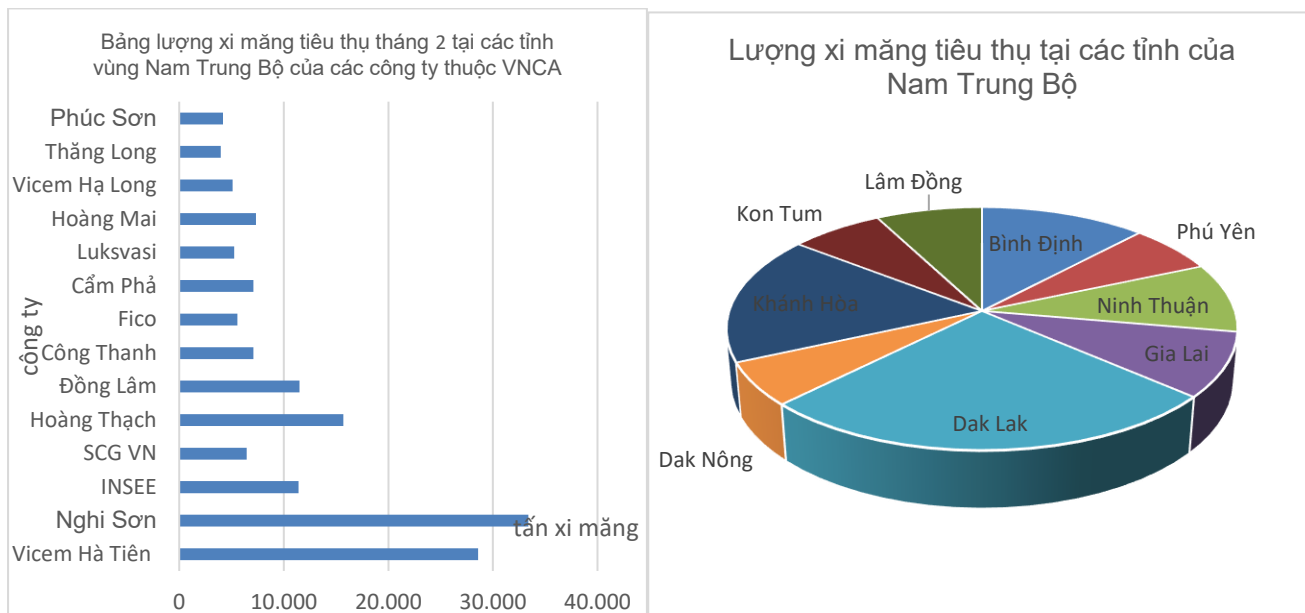
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

* **Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:** - XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.360

* **Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100 - XM Quảng Trị: 980 - XM Sông Gianh: 1.360 - Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

* **Giá XM tại Đà Nẵng:** - XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540 - XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480 - XM luks VN PCB 40: 1.520 - ChinFon: 1.520

* **Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

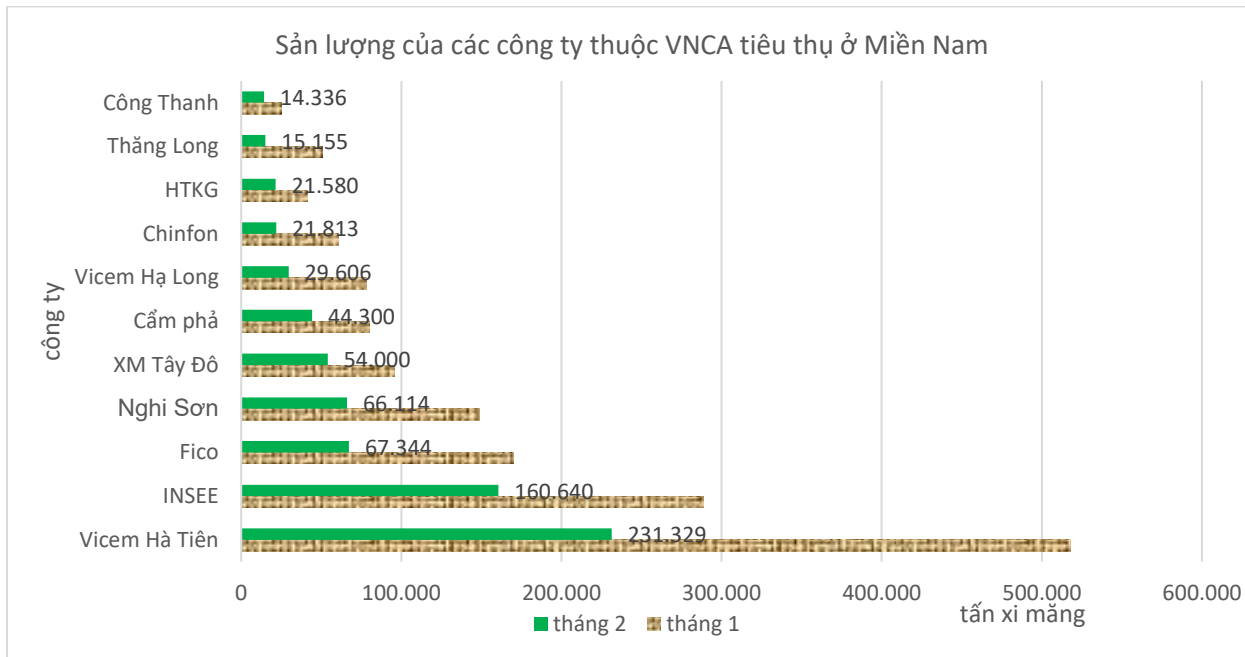
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830 - XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

- XM Thăng Long 1.730 - XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

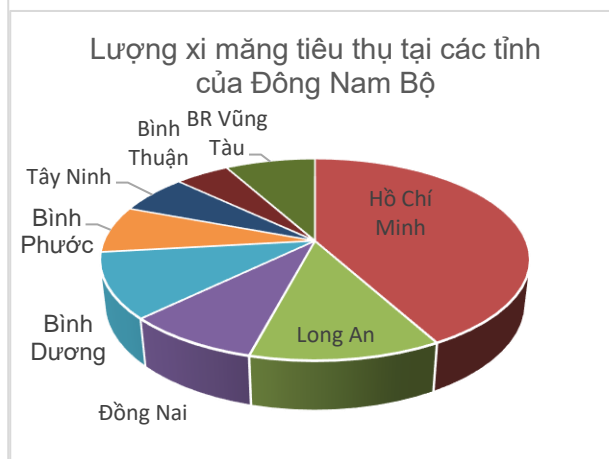
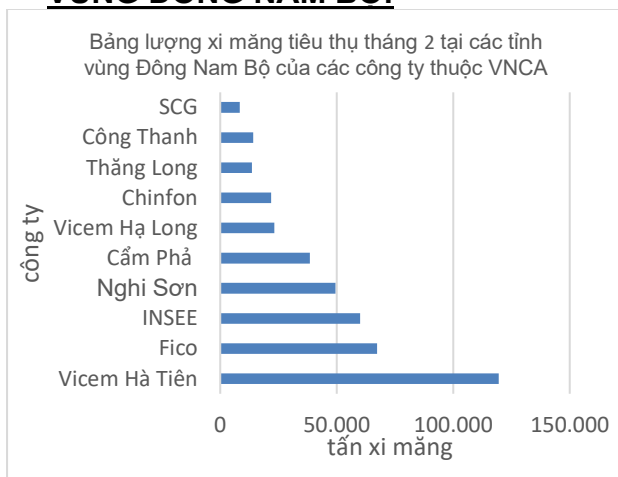
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 959.512 tấn (tháng 1 là 1.920.619 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

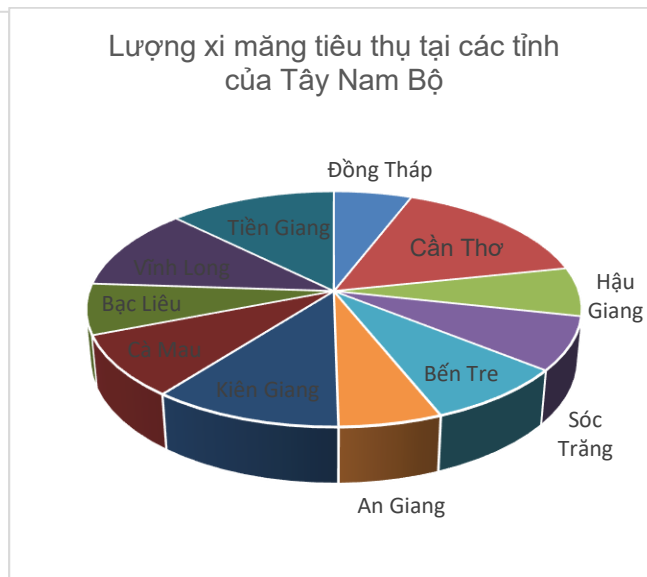
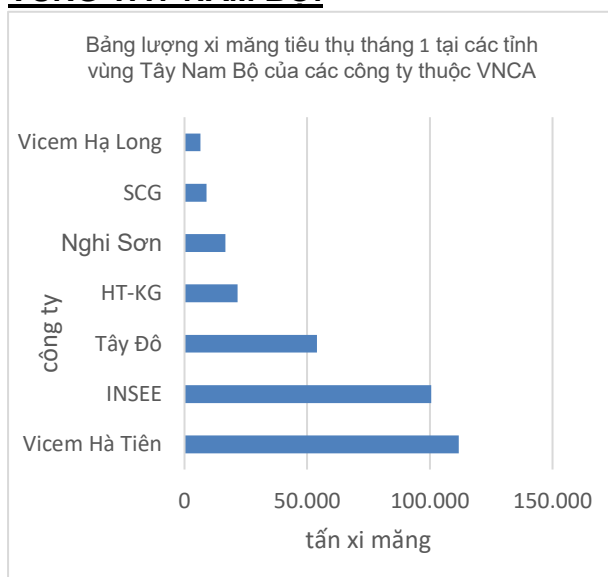


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 2/2021 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.560
- XM Cầm phá PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đã dựng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

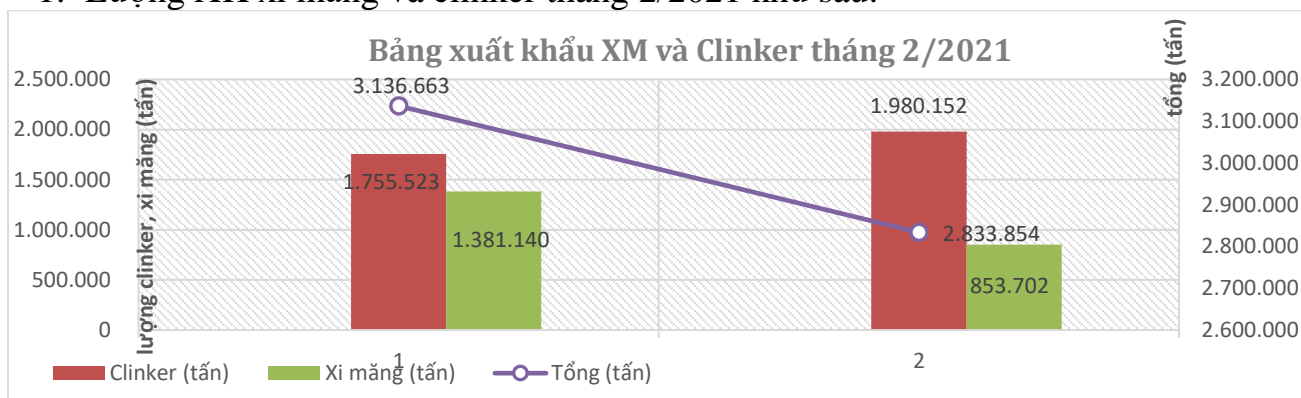
- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thị trường nội địa:

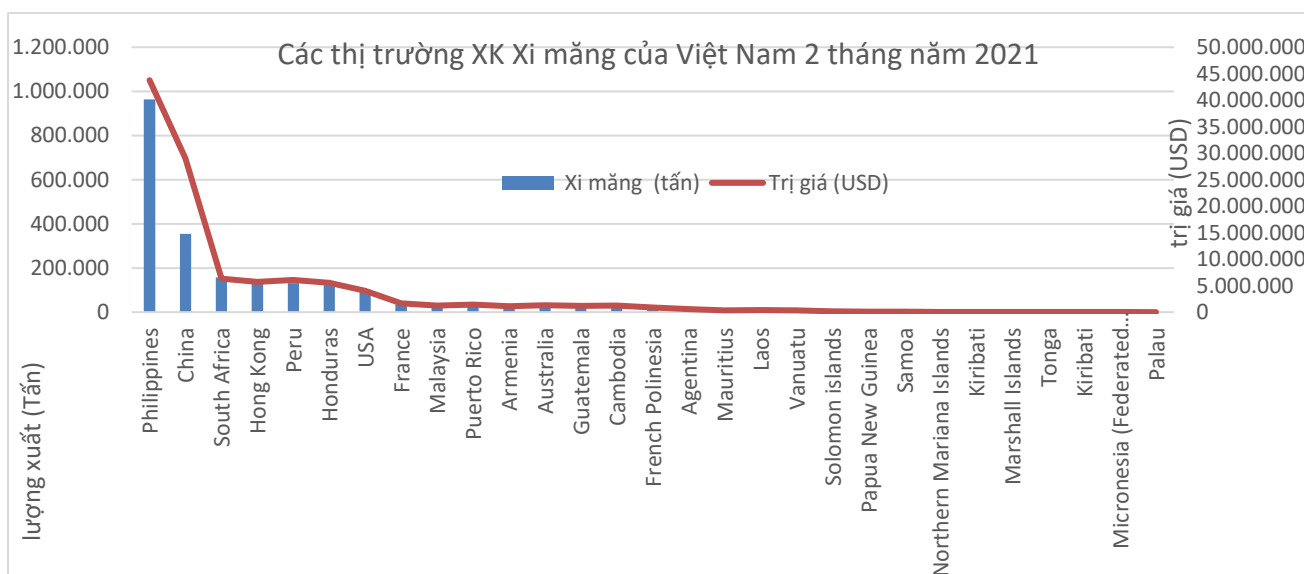
Về tiêu thụ xi măng: giảm mạnh so với tháng 1 do nghỉ Tết Nguyên Đán kéo dài.
 Về giá xi măng: Vẫn ổn định như mức giá tháng 1.
 Tồn kho cuối tháng 2: Xi măng: 1.8 triệu tấn; clinker: 3,2 triệu tấn.

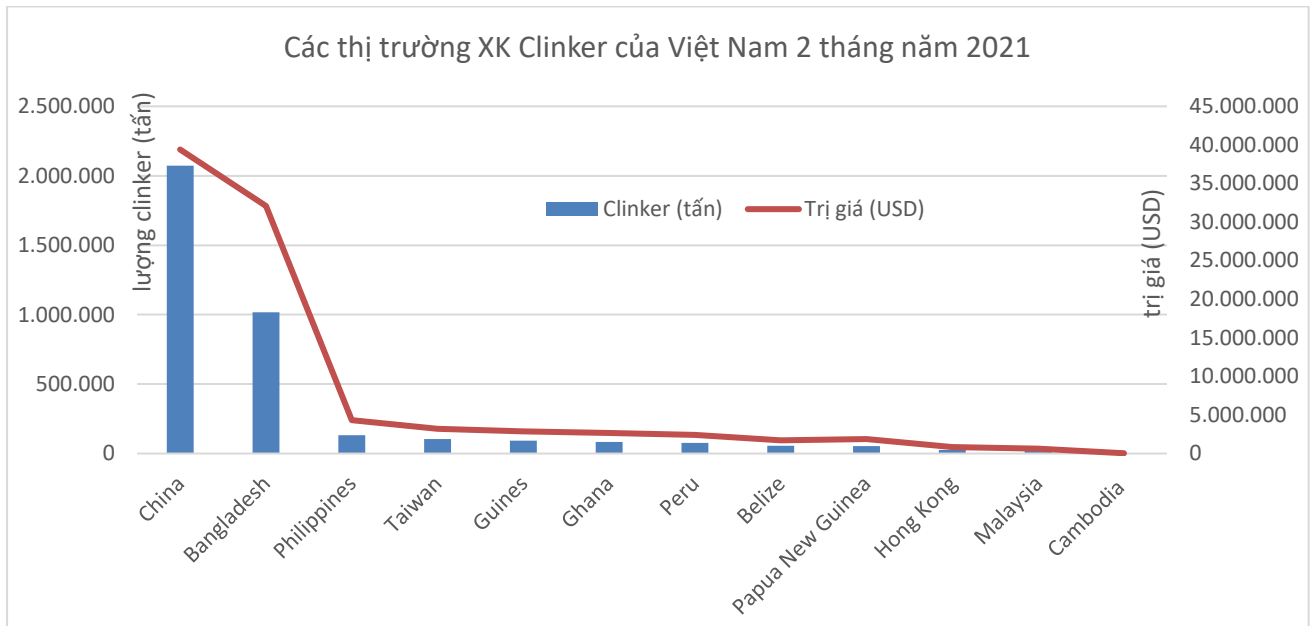
B- XUẤT KHẨU (XK)

1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 2/2021 như sau:

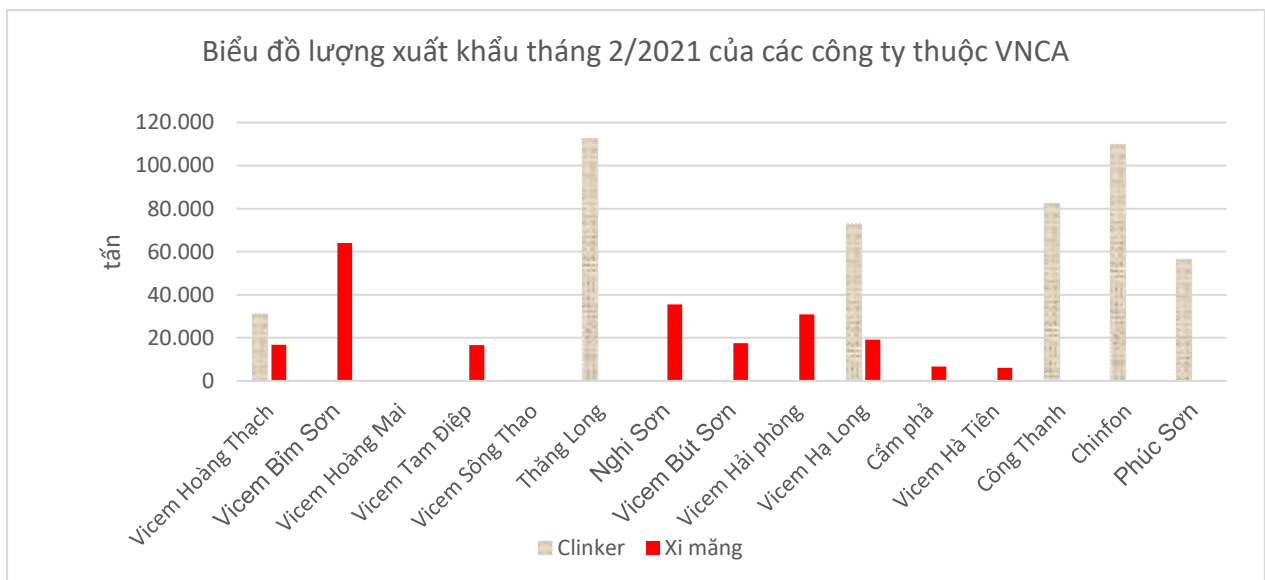


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 2 tháng năm 2021:

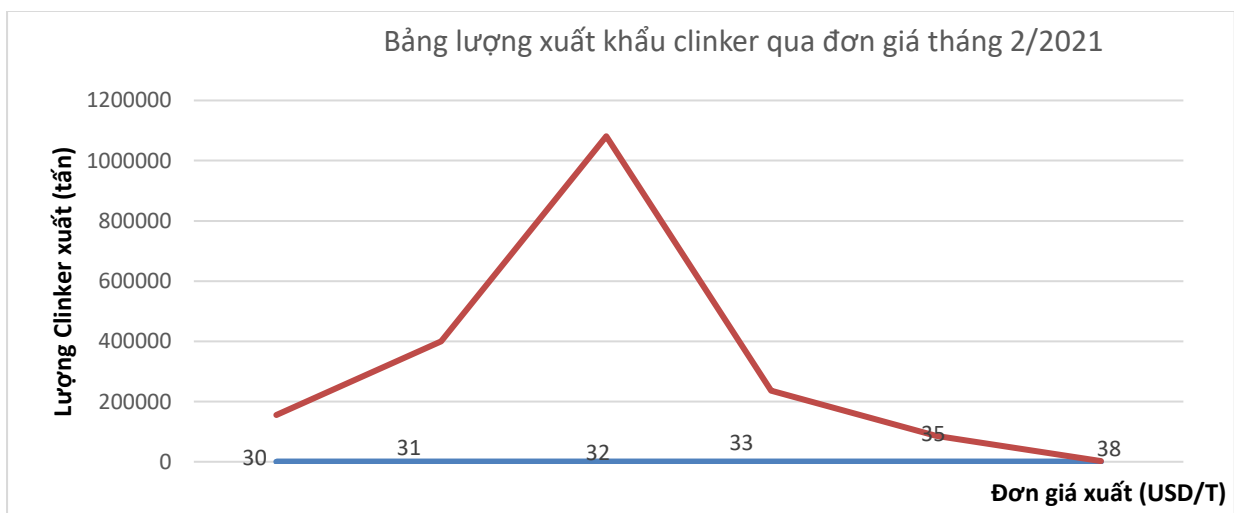


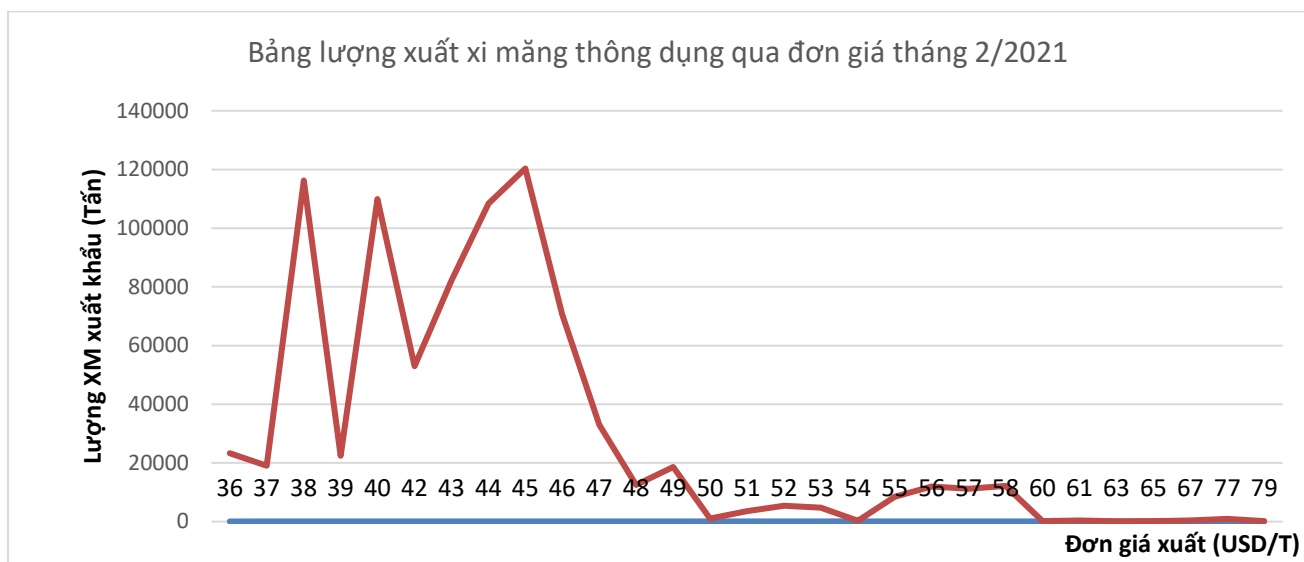


3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 2/2021 như sau:





C- SX THÁNG 1/2021, KẾ HOẠCH THÁNG 2 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2021:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 2/2021	Lũy kế SX xi măng 2021	Kế hoạch TTND T3/2021	Lũy kế TTND năm 2021
A	Khôi VICEM	1.025.492	3.203.933	1.990.000	2.488.011
1	Vicem Hải Phòng	52.400	187.266	220.000	269.039
2	Vicem Bỉm Sơn	194.887	455.125	327.000	318.734
3	Vicem Hoàng Thạch	102.000	432.389	300.000	353.741
4	Vicem Bút Sơn	139.348	430.192	280.000	372.637
5	Vicem Hà Tiên	283.300	862.451	590.000	865.774
6	Vicem Hải Vân	17.000	52.725	6.500	7.838
7	Vicem Hoàng Mai	49.200	198.975	142.000	137.595
8	Vicem Tam Điệp	68.133	169.650		27
9	Vicem Hạ Long	59.209	252.505	124.500	159.599
10	Vicem Sông Thao	60.015	162.654		3.027
B	Khôi LD	1.239.736	2.726.259	1.439.065	1.845.919
1	XM Nghi Sơn	247.197	630.475	410.600	478.407
2	XM Chinfon	117.539	339.407	259.000	314.310
3	Siam City Cement	400.000	800.000	350.000	487.840
4	XM Luks(Vietnam)	110.000	200.000	100.000	98.000
5	XM Thăng Long	90.000	210.000	80.000	108.298
6	XM Hệ Dưỡng	30.000	66.377	21.840	49.157
7	SCG VN	200.000	400.000	180.000	277.250
8	XM Phúc Sơn	45.000	80.000	37.625	32.657

C	Khôi các Cty xm khác	2.800.000	6.300.000	2.200.000	3.290.000
	Toàn XH: (A+B+C)	5.065.228	12.230.192	5.629.065	7.623.930

Đánh giá:

- TTNĐ tháng 2/2021: 2.544.558 tấn bằng 60% so với cùng kỳ năm 2020, giảm 50% so với tháng 1/2021.
- Xuất khẩu tháng 2/2021: 2.833.854 tấn (trong đó xi măng 853.702 tấn và clinker là 1.980.152 tấn) bằng 123% so với cùng kỳ 2020, bằng 90% so với tháng 1/2021.
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 2/2021: 5.378.412 tấn bằng 83% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 65% so với tháng 1/2021.
- TTNĐ và XK 2 tháng 2021 đạt 13.594.447 tấn bằng 114% so với cùng kỳ trong đó Xuất khẩu tăng 23%, nội địa tăng 8%.